



HOẠT ĐỘNG TÍN DỤNG CỦA NGÂN HÀNG ĐÓNG GÓP CHO SỰ PHÁT TRIỂN KINH TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH ĐẾN NĂM 2020

TS. LÊ THỊ MẶN*

Thực hiện chủ trương của Đảng và Chính phủ về: Tiếp tục công cuộc đổi mới và phát triển kinh tế đất nước, khai thác và phát huy nội lực, đẩy mạnh tiến trình công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước, nâng cao sức cạnh tranh của nền kinh tế, thúc đẩy hội nhập kinh tế khu vực và thế giới, đến nay kinh tế của cả nước nói chung và kinh tế TP.HCM nói riêng đã có sự thay đổi căn bản trên cả hai mặt chất và lượng. Trong thời gian tới, TP.HCM sẽ tiếp tục phát huy những thành quả đã đạt được để tiến tới phát triển toàn diện và bền vững.

Trong bài viết này tác giả tập trung vào hai vấn đề chính:

Một là, phân tích thực trạng kinh tế TP.HCM kể từ khi xóa bỏ nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung để chuyển sang cơ chế thị trường có điều tiết của Nhà nước cho đến nay cũng như những đóng góp không nhỏ của ngành ngân hàng vào sự tăng trưởng và phát triển của kinh tế thành phố.

Hai là, triển vọng phát triển kinh tế của TP.HCM đến năm 2020 và các giải pháp thúc đẩy phát triển kinh tế TP.HCM thông qua hoạt động tín dụng ngân hàng.

1. Triển vọng kinh tế TP.HCM đến năm 2020

Mục tiêu cụ thể cho TP.HCM trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2020 mà Đại hội Đảng Cộng sản VN lần thứ IX đã đề ra: “Khuyến khích đầu tư vào các khu công nghiệp và khu chế xuất được cấp phép, xây dựng khu công nghệ cao. Tiếp tục đầu tư xây dựng trục đường cao tốc TP.HCM - Đồng Nai - Vũng Tàu. Nâng cấp

cụm cảng Sài Gòn. Cải tạo đầu mối đường sắt TP.HCM, nghiên cứu xây dựng các tuyến đường sắt TP.HCM đi Vũng Tàu, Phnom Penh, Tây Nam Bộ và Tây Nguyên. Đẩy nhanh việc xây dựng các đô thị vệ tinh mới gắn liền với các khu công nghiệp xung quanh thành phố. Hiện đại hóa ga hàng không quốc tế sân bay Tân Sơn Nhất. Phát huy vai trò trung tâm công nghiệp, văn hóa, dịch vụ (thương mại, xuất khẩu, viễn thông, tài chính, ngân hàng) tiến tới tầm cỡ trong khu vực Đông Nam Á”.

Quyết định số 188 của Thủ tướng Chính phủ ban hành năm 2004 (188/2004/QĐ-TTg) về phê duyệt quy hoạch phát triển công nghiệp TP.HCM đến năm 2020 đã định hướng như sau:

- Phát triển TP.HCM trở thành thành phố công nghiệp vào năm 2015 - 2017, là trung tâm công nghiệp giữ vai trò đầu tàu của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam và của cả nước.

- Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu công nghiệp theo hướng ưu tiên và tập trung phát triển các ngành có hàm lượng tri thức và công nghệ cao, có lợi thế cạnh tranh, đặc biệt là ngành công nghiệp điện tử - tin học - viễn thông, công nghiệp hóa chất, cơ khí.

- Phát triển công tác đào tạo, chuẩn bị nguồn nhân lực trình độ cao cho quá trình phát triển công nghiệp và chủ động tham gia vào quá trình phân công lao động quốc tế.

Để đạt được các mục tiêu trên, TP.HCM cần phấn đấu đạt được một số chỉ tiêu như sau:

*: Trường ĐH Bình Dương

Bảng 1. Một số chỉ tiêu đến năm 2020 của TP.HCM

Các chỉ tiêu	Dự kiến 2020
Tỷ trọng ngành công nghiệp trong GDP của thành phố	39,66%
Tỷ trọng ngành dịch vụ trong GDP của thành phố	54,66%
Tỷ trọng các ngành khác trong GDP của thành phố	5,68%
Tỷ trọng giá trị gia tăng của ngành công nghiệp trên địa bàn so với cả nước	30,10%
Lao động trong ngành công nghiệp	1,55 triệu người
Tốc độ tăng trưởng GDP	9,00%
Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất công nghiệp	9,00%
GDP bình quân đầu người của thành phố so với cả nước	4,2 lần

Nguồn: Cục Thống kê TP.HCM

Như vậy, theo dự kiến đến năm 2020, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của TP.HCM phải thực hiện được các vấn đề về kinh tế và xã hội sau đây:

Về kinh tế:

- Lấy dịch vụ và công nghiệp làm nền tảng và làm giá trị gia tăng cho sự phát triển kinh tế, thành phố sẽ là nơi thu hút nhiều tập đoàn kinh tế lớn trong và ngoài nước.

- Tăng trưởng tín dụng ngân hàng nhằm phục vụ cho nền kinh tế, đặc biệt là cho khu vực dịch vụ.

- Phát triển thị trường chứng khoán theo hướng tích cực hơn, đa dạng hóa các loại cổ phiếu và trái phiếu lên sàn giao dịch.

- Ứng dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ tiên tiến, hiện đại vào các ngành sản xuất và dịch vụ.

- Chuyển đổi cơ cấu kinh tế cây trồng theo hướng có hiệu quả nhất, vận dụng và phát triển các mô hình sản xuất không đất hoặc cần ít đất. Hình thành các tổ chức sản xuất kinh tế trang trại, doanh nghiệp nông - công nghiệp.

Về khoa học công nghệ: Phấn đấu là thành phố công nghiệp đi đầu cả nước, là nơi tập trung phát triển các ngành công nghiệp mũi nhọn với quy mô ngày càng lớn, ứng dụng công nghệ cao, tạo được nhiều thương hiệu sản phẩm trên thị trường khu vực và thế giới.

- Trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo và y tế,

thành phố cố gắng sẽ là nơi tập trung các cơ sở đào tạo có uy tín không chỉ là quốc nội mà còn cho người nước ngoài tại VN.

Về xã hội:

- Kế hoạch đến năm 2015, TP.HCM không còn người nghèo, dân cư sẽ có mức sống cao, văn minh, bình đẳng giới và quan tâm chăm sóc sức khỏe cộng đồng.

- Phát triển kinh tế kết hợp với giữ vững an ninh quốc phòng và trật tự an toàn xã hội.

- Quy hoạch không gian sẽ tạo nên một thành phố khang trang, phát triển đô thị bền vững, trong tương lai tập trung vào quận 1 và quận 2.

- Trong quan hệ kinh tế quốc tế, TP.HCM là nơi giao lưu kinh tế quốc tế năng động và thực sự có hiệu quả kinh tế.

Việc phấn đấu đạt được một số chỉ tiêu vào năm 2020 không phải là việc làm đơn giản, nhưng nhìn lại thực tế trong những năm qua, hy vọng rằng TP.HCM sẽ làm được, và chính sự phát triển về kinh tế của thành phố sẽ làm đà cho sự phát triển toàn diện các mặt đời sống xã hội về cả vật chất lẫn tinh thần cho dân cư trên địa bàn thành phố mang tên Bác.

2. Thực trạng kinh tế TP.HCM từ sau khi mở cửa cho tới năm 2020

Tọa lạc ở trung tâm Nam Bộ, TP.HCM là thành phố cảng lớn nhất nước, là nơi tụ hội đầy đủ các điều kiện về giao thông đường bộ, đường thủy, đường sắt, đường hàng không và là đầu mối giao thông kinh tế lớn nối liền với các địa phương trong nước và quốc tế. Hàng năm, TP.HCM thường xuyên duy trì tốc độ tăng trưởng cao hơn tốc độ tăng trưởng bình quân chung của cả nước. Phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn thành phố gắn liền với tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của khu vực kinh tế trọng điểm phía Nam và của cả nước.

- Tốc độ tăng trưởng GDP

Từ năm 1986 đến nay, TP.HCM đã có tốc độ tăng trưởng GDP khá cao, cụ thể:

+ Năm 1986 đến năm 1990 là 7,82% năm.

+ Năm 2005, tăng lên 11%.

+ Năm 2006, tăng lên 12,2%.

+ Năm 2007, tăng 12,6%. Trong đó, khu vực dịch vụ đóng góp 7,45% và là ngành có tăng trưởng cao nhất, cả năm giá trị gia tăng 14,3%, chiếm tỷ trọng 52,5% GDP thành phố.

Bảng 2. Tốc độ tăng trưởng bình quân của từng khu vực kinh tế trên địa bàn TP.HCM

Thời gian (năm)	Tổng GDP (%)	Nông - lâm - ngư nghiệp (%)	Công nghiệp và xây dựng (%)	Thương mại & dịch vụ (%)
1986-1990	7,82	3,51	10,46	6,93
1991-1995	12,62	3,78	16,21	11,16
1996-2000	9,95	1,18	12,73	8,40
2001-2005	11,00	2,00	13,00	9,60
2005-2009	12,20	1,30	13,90	15,50

Nguồn: Cục Thống kê TP.HCM

+ Năm 2008, GDP tăng gần 11%.

+ Năm 2009, tăng lên 12,2%. Trong đó, khu vực dịch vụ tăng trưởng cao nhất, chiếm tỷ trọng 54,8% GDP thành phố.

- Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng gia tăng tỷ trọng khu vực dịch vụ, phát triển kinh tế theo hướng đẩy mạnh về xuất khẩu:

+ Cơ cấu khu vực thương mại & dịch vụ có tỷ trọng tăng từ 6,93% năm 1990 lên 9,6% năm 2005, lên 15,5% năm 2009.

+ Khu vực công nghiệp và xây dựng có tỷ trọng tăng tương ứng, từ 10,46% năm 1990 lên 13,0% năm 2005, lên 13,9% năm 2009.

+ Khu vực nông - lâm - ngư nghiệp giảm liên tục, từ 3,51% năm 1990 xuống còn 2,0% năm 2005 và 1,3% năm 2009.

- Sản xuất công nghiệp từng bước thay đổi và tăng trưởng mạnh:

Hiện nay, thành phố đã có những thay đổi về mặt quy mô và tỷ lệ các ngành trong cấu thành tổng sản phẩm, nhiều chương trình trọng điểm đã hình thành và phát triển mạnh như: chương trình công viên phần mềm Quang Trung và khu công nghệ cao; chương trình củng cố và sắp xếp các doanh nghiệp nhà nước; chương trình nước sạch cho sinh hoạt của người dân...

Để thúc đẩy tăng trưởng và phát triển kinh tế, nâng cao năng lực cạnh tranh, vững bước trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế, chiếm lĩnh thị trường trong nước, mở rộng thị trường xuất khẩu, thành phố đã xây dựng và phát triển 16 chương trình mục tiêu phát triển các ngành kinh tế mà thành phố có tiềm năng và lợi thế phát triển, đó là các ngành: chế biến gỗ, dệt - may, giày - da, chế biến thủy sản, cơ khí, nhựa cao su, công

ng nghiệp hóa chất, chế biến lương thực - thực phẩm, công nghệ thông tin, xây dựng, giao thông vận tải, thương mại, du lịch và tài chính - ngân hàng. Tập trung đầu tư đổi mới công nghệ, nâng cao chất lượng các ngành hiện có, từng bước phát triển các ngành công nghiệp mũi nhọn, hoàn chỉnh các khu công nghiệp tập trung. Bên cạnh đó, tăng trưởng kinh tế luôn đi đôi với bảo đảm dân sinh, nâng cao chất lượng cuộc sống, công bằng xã hội; xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, tiên tiến nhưng vẫn gìn giữ được bản sắc dân tộc, cải thiện môi trường rộng thoáng, sạch và xanh; việc cung cấp nhà ở với giá phù hợp cho các tầng lớp dân cư khác nhau trong khu vực nội thành nhằm cải thiện đời sống của những người nghèo được đặt lên hàng đầu; phát triển nông nghiệp theo hướng phù hợp với đặc điểm đô thị và sinh thái.

Nhìn chung, trong những năm qua, kinh tế TP.HCM tăng trưởng đều đặn, thể hiện được vai trò là một trung tâm lớn của cả nước về kinh tế, văn hóa và khoa học, một địa bàn nhạy cảm về chính trị - xã hội, vừa có khả năng tạo ra nội lực to lớn, vừa thu hút được nguồn lực bên ngoài.

Bên cạnh những kết quả đạt được, sự phát triển kinh tế của TP.HCM vẫn còn tồn tại một số hạn chế và đang đứng trước những khó khăn, thách thức như: Chất lượng tăng trưởng và hiệu quả các ngành kinh tế trên địa bàn còn thấp, phát triển dưới mức tiềm năng, năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp còn yếu, sức hấp dẫn của môi trường đầu tư chưa cao; chất lượng quy hoạch và phát triển đô thị còn chậm, một số dự án quy hoạch treo từ năm này sang năm khác, tổ chức thực hiện quy hoạch chưa đồng bộ; hạ tầng cơ sở xã hội chưa đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế; tỷ lệ hàng công nghiệp chế biến trong cơ cấu hàng

xuất khẩu còn thấp; đời sống của một số bộ phận người dân ở ngoài thành phố còn gặp nhiều khó khăn; mặc dù là một trung tâm kinh tế lớn nhất nước, nhưng TP.HCM vẫn còn là một thành phố nghèo so với các nước trong khu vực và trên thế giới.

3. Những đóng góp của ngành ngân hàng vào sự tăng trưởng và phát triển kinh tế của TP.HCM

Để có được những kết quả như trên và để thực hiện các kế hoạch phát triển kinh tế thành phố đến năm 2020, phải kể đến sự nỗ lực của ngành ngân hàng trong việc cung ứng vốn, hỗ trợ các doanh nghiệp trên địa bàn mở rộng sản xuất, đầu tư công nghệ hiện đại nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm, góp phần thúc đẩy tăng trưởng tổng sản phẩm của thành phố. Đặc biệt phải kể đến đó là hoạt động tín dụng của các ngân hàng thương mại (NHTM) có vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế của TP.HCM.

Về lý thuyết, tín dụng góp phần đảm bảo cho quá trình sản xuất kinh doanh diễn ra thường xuyên, liên tục; tích tụ, tập trung vốn; giúp điều chỉnh, ổn định và tăng trưởng kinh tế; nâng cao đời sống của nhân dân, thực hiện các chính sách xã hội và mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế.

Về thực tế, dư nợ tín dụng trên địa bàn thành phố tăng trưởng khá nhanh, kinh tế vẫn tiếp tục giữ vững tốc độ tăng trưởng, cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng trong những năm vừa qua, cụ thể:

Từ năm 2001 đến năm 2005:

- Tín dụng ngân hàng góp phần tích cực cho việc tăng trưởng kinh tế thành phố với nhịp độ cao: 9,0% (năm 2000); 10,2% (năm 2002); 11,4% (năm 2003); 11,6% (năm 2004); và 12,2% (năm 2005).

- Vốn thông qua con đường tín dụng của các ngân hàng đầu tư vào các khu vực kinh tế của thành phố chiếm trung bình từ 20% đến 22% tổng vốn đầu tư.

- Huy động vốn tăng trưởng bình quân từ 20% đến 25% hàng năm; tính đến cuối năm 2005 đạt 199.180,2 tỷ đồng, trong đó: tiền gửi dân cư chiếm đến 97.748,5 tỷ đồng.

- Tổng dư nợ tín dụng cho các thành phần kinh tế đạt 261.253,6 tỷ đồng, trong đó: dư nợ bằng USD là 61.520,3 tỷ đồng; dư nợ tín dụng trung dài hạn bằng VND 74.201,1 tỷ đồng; dư nợ cho vay

kích cầu 725 tỷ đồng; dư nợ cho vay khu công nghiệp, khu chế xuất 16.598 tỷ đồng; chương trình cho vay phục vụ phát triển nông nghiệp nông thôn 6.570 tỷ đồng

Từ năm 2006 đến năm 2009:

- Năm 2006: GDP tăng 12,2%; nguồn vốn huy động đạt 277.911 tỷ đồng, tăng 47,1%; tổng dư nợ tín dụng đạt 22.336 tỷ đồng, tăng 28,8%.

- Năm 2007: GDP tăng 12,6%; nguồn vốn huy động qua ngân hàng đạt 484.272 tỷ đồng, tăng 69,6%; tổng dư nợ tín dụng đạt 397.172 tỷ đồng, tăng 72,9%, trong đó dư nợ tín dụng trung dài hạn chiếm 40,1%, tăng 76,8%.

- Năm 2008: GDP tăng gần 11%; nguồn vốn huy động qua ngân hàng đạt 561.500 tỷ đồng, tăng 15,3% so với cùng kỳ; tổng dư nợ tín dụng đạt 490.000 tỷ đồng, tăng 20,6% so với cùng kỳ.

- Năm 2009: GDP tăng dưới 10%; trong bối cảnh kinh tế không mấy sáng sủa, nhưng ngành tài chính ngân hàng vẫn đạt tốc độ tăng trưởng cao nhất trong các ngành (trong đó: hoạt động tín dụng ngân hàng - theo đánh giá của Ngân hàng Nhà nước VN là rất sôi động, dẫn đầu toàn hệ thống về quy mô và năng lực tài chính). Tổng huy động vốn năm 2009 là 603.353 tỷ đồng, tăng 30,9%; tổng dư nợ là 559.855 tỷ đồng, tăng 36,6% so với năm 2008. Huy động vốn trên địa bàn TP.HCM chiếm 34,8%/tổng vốn huy động và 31,8%/tổng dư nợ cho vay nền kinh tế của toàn hệ thống ngân hàng; tốc độ tăng vốn huy động là 30,9% so với năm 2008; dư nợ tín dụng tăng 36,6%; dư nợ cho vay hỗ trợ lãi suất đạt 80.495 tỷ đồng; tổng dư nợ cho vay bất động sản chiếm 13,9%/ tổng dư nợ cho vay, tăng 24,1% so với cuối năm 2008; dư nợ cho vay tiêu dùng 37.263 tỷ đồng, chiếm 5,24% trong tổng dư nợ tín dụng; tổng dư nợ cho vay các doanh nghiệp hoạt động trong khu chế xuất, khu công nghiệp là 26.200 tỷ đồng, tăng 9,47% so với năm 2008; cho vay chuyển dịch cơ cấu kinh tế là 11.546 tỷ đồng, tăng 14,7% so với năm 2008; dư nợ cho vay kích cầu đầu tư là 241 tỷ đồng; tỷ lệ nợ xấu là 2,03%.

- Năm 2010: Nguồn vốn huy động trong quý I/2010 đã giảm (0,17%) do lượng tiền gửi từ các tổ chức kinh tế giảm (5,94%) nhưng lượng tiền gửi của dân cư tăng mạnh trở lại (5,57%); tỷ lệ nợ xấu đến tháng 3/2010 ở khoảng 2,39%.

Có thể nói rằng, hoạt động tín dụng ngân hàng đã tạo điều kiện cho nhiều doanh nghiệp tháo gỡ

được khó khăn để hoạt động sản xuất kinh doanh và mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm hàng hóa, nhiều doanh nghiệp có thêm nguồn vốn để đầu tư trang thiết bị, máy móc, kỹ thuật phục vụ sản xuất kinh doanh, nâng cao chất lượng và sức cạnh tranh của sản phẩm, giải quyết việc làm cho hàng trăm ngàn lao động, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế trên địa bàn TP.HCM. Đặc biệt, trong các năm gần đây vốn tín dụng góp phần thay đổi diện mạo kinh tế thành phố và thực sự có hiệu quả làm chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phát triển các ngành công nghiệp then chốt, nâng cao chất lượng ngành thương mại & dịch vụ và các ngành khác trên địa bàn TP.HCM.

Ngoài những thành tích kể trên, đóng góp của ngành ngân hàng cho phát triển kinh tế thành phố còn được thể hiện qua nhiều mặt như:

- Đẩy mạnh quá trình đàm phán, ký kết, tiếp nhận và triển khai các khoản vay trong khuôn khổ hợp tác đa phương và song phương; tham gia thẩm định, kiểm tra việc thực hiện các dự án, đầu tư xây dựng công trình kết cấu hạ tầng trong danh mục đầu tư trong nước; huy động đủ vốn cho mục tiêu phát triển kinh tế, tập trung đầu tư các mục tiêu quan trọng, có tính chất quyết định đến việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế và thúc đẩy phát triển kinh tế thành phố nói riêng và cả nước nói chung.

- Phát triển thị trường vốn, huy động vốn đáp ứng các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, tăng cường thu hút nguồn vốn từ bên ngoài để nâng cao cơ sở hạ tầng xã hội của thành phố. Cho vay đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, hộ gia đình và các cá nhân. Cùng với vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước, ODA, FDI, kiều hối, khu vực dân cư và các thành phần kinh tế khác, nguồn vốn qua kênh NHTM đã thực sự đóng vai trò quan trọng trong việc tài trợ đầu tư tín dụng, góp phần tăng trưởng và phát triển kinh tế TP.HCM.

- Là nòng cốt tích cực trong công cuộc đổi mới toàn diện nền kinh tế thành phố theo hướng công nghiệp hóa - hiện đại hóa. Dịch vụ ngân hàng phát triển cả về chất lượng, chủng loại, tính đa dạng về phương tiện thanh toán, hoàn thiện các công nghệ điều hành cũng như công nghệ kinh doanh hiện đại, góp phần thúc đẩy sản xuất kinh doanh phát triển mạnh về chiều rộng lẫn chiều sâu.

Bên cạnh những thành tích đóng góp cho công cuộc phát triển kinh tế của đất nước nói chung

cũng như sự phát triển vượt trội của kinh tế TP.HCM nói riêng, hoạt động ngân hàng còn có những hạn chế nhất định, như:

- Điều hành chính sách tiền tệ của ngân hàng Nhà nước còn có những hạn chế nên ảnh hưởng đến chính sách tín dụng của các NHTM.

- Nguồn vốn của các NHTM chưa đủ mạnh để nâng cao dư nợ tín dụng cho doanh nghiệp và hộ sản xuất, lý do đơn giản là nguồn vốn chủ sở hữu còn quá thấp nên nguồn vốn huy động bị giới hạn (không được phép vượt quá 20% vốn tự có), thêm vào đó là lãi suất huy động không hấp dẫn trong điều kiện lạm phát với tỷ lệ cao làm cho các ngân hàng không cung cấp đủ cho nhu cầu tín dụng trên địa bàn TP.HCM.

- Dịch vụ ngân hàng, nhất là của các NHTM có 100% vốn trong nước, nghèo nàn về số lượng và kém về chất lượng, làm yếu đi khả năng cạnh tranh với các ngân hàng có vốn đầu tư nước ngoài.

- Nhân sự yếu và thiếu. Vấn đề ở đây là số lượng cán bộ quản lý, nhân viên tác nghiệp ngân hàng không thiếu, mà thiếu người quản lý giỏi và thiếu người làm việc tốt, điều này là nhân tố làm tăng nợ xấu của NHTM.

- Công nghệ thông tin chưa thật sự hiện đại hóa.

4. Các giải pháp thúc đẩy phát triển kinh tế TP.HCM thông qua hoạt động tín dụng ngân hàng

Để hoạt động tín dụng của các NHTM từ nay đến năm 2020 đạt được hiệu quả như mục tiêu phục vụ cho công cuộc phát triển kinh tế đất nước nói chung và TP.HCM nói riêng, tác giả xin nêu ra một số giải pháp định hướng cho vấn đề này như sau:

4.1 Ngân hàng Nhà nước xác định điều hành linh hoạt và theo nguyên tắc thị trường các công cụ chính sách tiền tệ

- Công cụ nghiệp vụ thị trường mở: Điều hành linh hoạt nghiệp vụ thị trường mở, mua/bán các giấy tờ có giá trị theo phương thức giao dịch có kỳ hạn với lãi suất hợp lý, tạo điều kiện tăng dự trữ để các NHTM có khả năng cung ứng tín dụng cho nền kinh tế.

- Công cụ tái cấp vốn: Cho vay tái cấp vốn để kiểm soát lượng tiền cung ứng, đảm bảo khả năng an toàn thanh toán cho các NHTM và ổn định thị trường tiền tệ.

- Công cụ dự trữ bắt buộc: Điều chỉnh tỷ lệ dự

trữ bắt buộc (giảm) đối với tiền gửi dự trữ bắt buộc bằng VND loại kỳ hạn dưới 12 tháng và nên giảm lãi suất tiền gửi vượt dự trữ bắt buộc.

- Công cụ lãi suất: Điều chỉnh giảm và duy trì ổn định các mức lãi suất điều hành ở mức hợp lý để giảm mặt bằng lãi suất cho vay, đáp ứng nhu cầu mở rộng tín dụng của nền kinh tế. Đồng thời kết hợp chính sách hỗ trợ lãi suất để giúp các doanh nghiệp, các hộ sản xuất giảm chi phí vay vốn. Đặc biệt là TP.HCM - một thành phố năng động, một địa phương có tốc độ tăng trưởng cao nhất trong cả nước với nhu cầu về vốn tín dụng cho phát triển các ngành công nghiệp, nông nghiệp, thương mại và dịch vụ là rất lớn.

- Công cụ tỷ giá hối đoái: Để ngăn chặn suy giảm kinh tế, kích cầu đầu tư, kích cầu tiêu dùng, đẩy mạnh xuất khẩu hàng hóa, giảm thiểu lạm phát và đảm bảo an toàn hệ thống ngân hàng Ngân hàng Nhà nước cần điều hành tỷ giá hối đoái theo hướng nói lỏng thận trọng nhằm hỗ trợ thanh khoản, tạo điều kiện cho các NHTM mở rộng tín dụng hiệu quả.

4.2 Cần gia tăng vốn điều lệ của các ngân hàng, đặc biệt là các NHTM cổ phần

Nhằm tăng cường năng lực hoạt động của các NHTM trên địa bàn TP.HCM nói chung và các NHTM cổ phần nói riêng (vì vốn của các ngân hàng này còn quá mỏng). Nghị định số 141 (141/2006/NĐ-CP) của Chính phủ ban hành ngày 21/11/2006 quy định về mức vốn điều lệ áp dụng cho NHTM cổ phần đến năm 2010 là 3.000 tỷ đồng. Tính đến thời điểm ngày 17/12/2009 trong số 39 NHTM cổ phần đô thị hoạt động tại TP.HCM thì có tới 29 ngân hàng có vốn dưới 2.000 tỷ đồng. Vốn điều lệ chưa đủ, phải tăng theo quy định đó là điều tất yếu nhưng các NHTM cũng phải tính toán hết sức thận trọng bởi quy mô vốn lớn có thể dẫn đến hiệu suất sử dụng vốn kém hiệu quả. Kế hoạch tăng vốn phải gắn với việc nâng cao chất lượng dịch vụ, chất lượng tín dụng để khẳng định thương hiệu của mình trong xu thế hội nhập ngân hàng quốc tế.

4.3 Nâng cao chất lượng tín dụng, chất lượng dịch vụ ngân hàng, phục vụ khách hàng tốt nhất để nâng cao năng lực cạnh tranh không chỉ trên thị trường tín dụng TP.HCM mà cả thị trường quốc tế

Mức độ cạnh tranh trong lĩnh vực ngân hàng

sẽ ngày càng gay gắt khi mà các NHTM không chỉ phải cạnh tranh với nhau mà còn phải cạnh tranh với hệ thống ngân hàng nước ngoài có vốn lớn, uy tín trên thương trường quốc tế, có số lượng chi nhánh nhiều nhất trên địa bàn TP.HCM. Thách thức càng nhiều đòi hỏi các ngân hàng phải tự hoàn thiện mình mới trụ vững được trong cạnh tranh, mà muốn tự hoàn thiện mình chỉ có cách tốt nhất là: phải gia tăng nguồn vốn huy động để tăng nguồn vốn cho vay; nâng cao chất lượng tín dụng; nâng cao chất lượng dịch vụ ngân hàng và phục vụ khách hàng tốt nhất.

4.4 Nâng cao năng lực quản trị điều hành

Một thực tế là các NHTM VN nói chung và NHTM trên địa bàn TP.HCM nói riêng đang thiếu nhân sự có năng lực kể cả cấp quản lý, điều hành lẫn nhân viên tác nghiệp trực tiếp. Bởi vậy, để nâng cao năng lực quản trị điều hành đáp ứng cho việc mở rộng tín dụng và nâng cao chất lượng dịch vụ, các NHTM nên có hướng mở rộng thuê chuyên gia tư vấn, chuyên gia nghiệp vụ là người nước ngoài, mặt khác cần tiến hành chặt chẽ khâu tuyển dụng với phương châm lựa chọn người vừa có chuyên môn lại vừa phải có đạo đức nghề nghiệp ngân hàng.

4.5 Hiện đại hóa công nghệ thông tin ngân hàng

Ngoài nỗ lực của mình, các NHTM nên tìm sự trợ giúp kỹ thuật của các tổ chức tài chính - tín dụng quốc tế, của các nhà tài trợ và các Bộ, ngành có liên quan để thực hiện các nghiệp vụ tín dụng nói chung cũng như các dịch vụ bán lẻ ngân hàng có hiệu quả nhất■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội TP.HCM giai đoạn 2001-2020.
2. Nguồn thông tin số liệu: Cục Thống kê TP.HCM: www.pso.hochiminhcity.gov.vn, Sở Kế hoạch & Đầu tư TP.HCM: www.dpi.hochiminhcity.gov.vn, Ngân hàng Nhà nước: www.sbv.gov.vn/vn/home/htNHTMCpdthi.jsp (ngày 17/12/2009).
3. Niên giám thống kê TP.HCM, năm 2001 đến năm 2010.
4. Thời báo kinh tế VN: 04/03/2010.